

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO**

630.208 6
ĐC
Đ 250 C



**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
Ở ĐỒNG NAI**



Đồng Nai, tháng 3 - 2010

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO**

***** o0o *****

**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
Ở ĐỒNG NAI**

**THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG**

001694

Đồng Nai, tháng 3-2010

MỞ ĐẦU

Tỉnh Đồng Nai đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nói riêng. Từ thực tiễn trong cả nước và tỉnh nhà trong những năm qua cho thấy, nếu chỉ đơn thuần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà không gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ sự sống của chính con người, thì *cuộc sống* của chúng ta và *các thế hệ mai sau* sẽ bị *đe dọa* nghiêm trọng.

*** Mục đích, yêu cầu của Đề cương tuyên truyền bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp ở Đồng Nai năm 2009.**

Môi trường sống nói chung và môi trường trong sản xuất nông nghiệp nói riêng ở Đồng Nai đang bị ô nhiễm nặng. Trước yêu cầu đó, *Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xây dựng "Đề cương tuyên truyền bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp ở Đồng Nai"*:

- *Thứ 1*, Phản ánh tổng quan thực trạng công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp thời gian qua ở Đồng Nai và đưa ra hệ giải pháp tuyên truyền có tính khả thi để bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới;

- *Thứ 2*, Cung cấp những chủ trương, những văn bản pháp quy cùng những khuyến cáo, những thông tin, những biện pháp của các cơ quan, ban, ngành hữu quan về cần thiết phải bảo vệ môi trường sống nói chung, môi trường trong sản xuất nông nghiệp nói riêng đến người dân. Qua đó, vận động người dân thực hiện tốt quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), góp phần đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cộng đồng dân cư, nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe của giống nòi;

- *Thứ 3*, Nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các doanh nghiệp và nhân dân trong việc tích cực thực hiện

các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách hiện nay của tất cả mọi người, mọi ngành, mọi nghề, mọi tổ chức và mọi cá nhân.

Nhìn chung, trong 02 năm qua (2008 - 2009) công tác bảo vệ môi trường trong tỉnh ngày càng được cải thiện, gắn liền với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và nhận thức của người dân ngày càng nâng cao nhờ hoạt động tuyên truyền của nhiều cơ quan, ban ngành trong toàn tỉnh nhằm mục đích phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

*** Đánh giá chung về công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường ở Đồng Nai trong những năm gần đây.**

Trong những năm gần đây, công tác bảo vệ môi trường ở Đồng Nai đã được các cấp lãnh đạo thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thể hiện qua các hoạt động sau:

- Công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường trong 02 năm (2008 - 2009), tỉnh Đồng Nai đã được thực hiện thông qua tập huấn cho trên 4.500 đồng chí là báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp từ tỉnh, huyện và cơ sở. Nắm được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống nói chung và môi trường trong sản xuất nói riêng, các báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp trong tỉnh đã thông tin *kịp thời* những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường đến cán bộ, đảng viên, hội viên và quần chúng nhân dân;

- Các cơ quan chức năng trong tỉnh đã phối hợp với các cơ quan báo, đài trong tỉnh thông tin về bảo vệ môi trường khá đầy đủ và *kịp thời* với trên hàng trăm bài tuyên truyền về bảo vệ môi trường được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh. Đơn cử là Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai với các chuyên mục như: Chương trình Khuyến nông của phòng Khoa giáo; có chuyên đề Bạn Nhà nông và Chương trình tọa đàm giao lưu “Nhịp cầu nhà nông” tập trung vào các đề tài như sản xuất an toàn theo hướng GAP với các loại cây; an toàn trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; sử dụng có hiệu quả thuốc dùng trong thú y; giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi; khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn phân hữu cơ và các sản phẩm có nguồn gốc hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp;... Việc tuyên truyền bảo vệ môi trường nói chung và môi trường trong sản xuất nông nghiệp nói riêng chủ yếu là hướng

vào việc triển khai thực hiện các chương trình trong đề án nông thôn “bốn có” của tỉnh và Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa VIII) về thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 7 (Khóa X).

Thực hiện nhiệm vụ truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội Nông dân đã ký kết Chương trình Liên tịch số 97/HND-STNMT ngày 28/3/2007 về phối hợp hành động bảo vệ môi trường và quản lý sử dụng đất.

Sau khi ký kết chương trình liên tịch, Hội Nông dân tỉnh đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xây dựng thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí hoạt động truyền thông và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường năm 2008 - 2009; tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo tuyên truyền, mítting ra quân hưởng ứng các tuần lễ môi trường, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về luật bảo vệ môi trường, biên soạn các sổ tay, tài liệu tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp;...

Chương trình bảo vệ môi trường những năm qua của tỉnh đã tạo nên những chuyển biến trong nhận thức và hoạt động bảo vệ môi trường của các ngành, các cấp và của nhân dân:

- Hội Nông dân tỉnh đã tổ chức mit-ting hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới năm 2007 tại huyện Long Thành thu hút hơn 700 người tham dự; phối hợp với Trung ương Hội Nông dân tổ chức mítting hưởng ứng chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn năm 2008 tại huyện Vĩnh Cửu, tổ chức lớp tập huấn về nước sạch và vệ sinh môi trường cho 100 hội viên; tổ chức 11 lớp tập huấn Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và các văn bản có liên quan cho 910 hội viên; tổ chức Hội thi nông dân tham gia tìm hiểu pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường Việt Nam. Sử dụng 08 khẩu hiệu lớn, tổ chức 01 đợt ra quân làm vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện với hơn 100 người tham gia hưởng ứng (*xem phụ lục ảnh 1*).

Hội đã tổ chức trên 600 lớp tập huấn, hội thảo về kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp nhằm hạn chế dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong đất; về thuốc bảo vệ thực vật và biện pháp phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng; về chương trình IPM để duy trì áp dụng IPM vào sản xuất nông nghiệp, sản xuất rau an toàn; tổ chức kiểm tra 185 cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2005, cho đến nay Đồng Nai tổ chức 1.355 buổi mit-ting với hơn 91.000 người tham gia. Tổ chức 123 buổi nói chuyện chuyên đề với 13.600 lượt người tham dự; xây dựng 2.940 công trình cấp nước sinh hoạt và hố xí hợp vệ sinh; lồng ghép nội dung kiến thức môi trường vào các chương trình giáo dục phổ thông các cấp góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng của giáo viên và học sinh. Đồng Nai cũng tổ chức trồng 268.000 cây, xây dựng 1165 công trình biogas, thu dọn 14.000m³ rác thải, 230km đường giao thông nông thôn.

- Tỉnh đã quyết tâm đẩy mạnh xử lý nước thải gây ô nhiễm tại các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động và tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm về môi trường và tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục về toàn dân tham gia bảo vệ môi trường sống, bảo vệ động, thực vật hoang dã nói chung và ở Khu Bảo tồn thiên nhiên và di tích huyện Vĩnh Cửu nói riêng.

Việc phát triển mạnh về kinh tế - xã hội gây tác động không nhỏ đến vấn đề môi trường trên địa bàn; Chẳng hạn, như áp lực gia tăng dân số gây sức ép đối với các hoạt động phục vụ tiện ích công cộng từ việc cấp thoát nước, xử lý rác thải, cho đến ùn tắc giao thông công cộng, sự quá tải về dịch vụ y tế, giáo dục,.. Chính vì vậy, công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng là vấn đề được Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành có liên quan lưu tâm thông qua *Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai*,... đã và đang thực hiện tốt vai trò nắm bắt và định hướng dư luận xã hội.

Thực hiện dân chủ cơ sở về công tác bảo vệ môi trường, vì vậy trong thời gian qua, mảng đề tài này có tỷ lệ tin, bài ngày càng nhiều, và phong phú. Công khai danh sách các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Trả lời ý kiến cử tri tại các cuộc tiếp xúc cử tri ở địa phương và tổ chức giao lưu trực tuyến với các tổ chức và người dân theo chu kỳ quy định.

Tăng cường trang thiết bị quan trắc môi trường, cũng như nâng cao năng lực và trình độ của những cán bộ viên chức hoạt động trong ngành tài nguyên môi trường 3 cấp: tỉnh, huyện và xã.

Tổ chức phối hợp thực hiện các hoạt động trong chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng đã ký kết giữa sở Tài nguyên Môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tỉnh Đoàn Đồng Nai, Hội Phụ Nữ tỉnh, Hội Nông Dân tỉnh,

Liên Minh hợp tác xã, Liên Hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Cựu Chiến Binh tỉnh, v.v.. Qua đó, tỉnh tổ chức các tuần lễ đa dạng sinh học, ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, tuần lễ nước sạch vệ sinh môi trường,....

Các cơ quan truyền thông trong tỉnh đã đang góp phần rất lớn trong việc tham gia vào việc cung cấp thông tin 2 chiều: Từ phía cơ quan lãnh đạo, cơ quan chủ quản đến với người dân, đồng thời chuyển tải ý kiến của người dân đến các cấp chính quyền địa phương.

Để tuyên truyền cho mục tiêu bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm an toàn, trong những năm qua các cơ quan truyền thông đã đề cập đến các đề tài sau:

+ *Sản xuất an toàn theo hướng GAP với các loại cây: rau, xoài, bưởi,...* với nhiều chuyên đề, tọa đàm khác nhau cho từng loại cây. Đây là một hướng mới trong sản xuất nông nghiệp nước ta nói chung - Đồng Nai nói riêng nhằm đưa các sản phẩm nông nghiệp hội nhập với thị trường thế giới.

+ *An toàn trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật:* Là chương trình tuyên truyền thường xuyên nhằm nhắc nhở bà con nông dân trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn hiệu quả, theo nguyên tắc 4 đúng,...

+ *Sử dụng hiệu quả thuốc dùng trong thú y:* Những chương trình trong lĩnh vực này nhằm hướng dẫn người chăn nuôi tạo ra được những sản phẩm chăn nuôi an toàn theo tiêu chí: Thịt sạch từ trang trại đến bàn ăn.

+ *Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi:* Đặc biệt là việc thiết kế, lắp đặt và sử dụng các công trình khí sinh học biogas cho chăn nuôi gia đình, vừa tránh được ô nhiễm, vừa nâng cao hiệu quả nghề chăn nuôi bằng các sản phẩm phụ.

+ *Khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn phân hữu cơ và các sản phẩm có nguồn gốc hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp:* Đây là xu hướng mới trên thế giới nhằm bảo đảm an toàn cho người sử dụng và được giới thiệu cho người nông dân trong tỉnh ứng dụng như qua các biện pháp sản xuất phân hữu cơ, sử dụng các loại phân hữu cơ có khả năng phòng chống một số bệnh do nấm gây hại trên cây trồng,...

Ngoài ra, với các hoạt động của các ngành chức năng trong tỉnh có liên quan đến vấn đề *sản xuất sạch* đều có các chuyên đề tuyên truyền phối hợp với

các cơ quan truyền thông như các Báo Lao động Đồng Nai, Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai,... cũng đã đóng góp rất nhiều trong việc cung cấp thông tin, quảng bá những mô hình, đồng thời cảnh báo đến người dân về những vấn đề về môi trường như dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm,... trong sản xuất nông nghiệp.

- Bên cạnh đó, trong 02 năm (2008 - 2009) công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường đã được các cấp thường xuyên quan tâm tuyên truyền theo nội dung tài liệu trên đĩa CD - Rom và đĩa DVD về bảo vệ môi trường do *Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng tỉnh (nay là Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo tỉnh) biên soạn.*

"Đề cương tuyên truyền bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp ở Đồng Nai" giúp các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên và bà con nông dân có một nhận thức, một thái độ, một hành vi đúng đắn hơn về môi trường đang dần bị hủy hoại như hiện nay và sẽ tập trung hướng dẫn tuyên truyền nội dung này trong năm 2010 và những năm tiếp theo để góp phần bảo vệ môi trường sống của chúng ta (*xem phụ lục ảnh 2*).

*** oOo ***

Chương 1

THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở ĐỒNG NAI

1.1. TỔNG QUAN VỀ THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

1.1.1. Đặc điểm

Việt Nam là một nước nông nghiệp với 75% số dân và nguồn lực lao động xã hội đang sinh sống và làm việc ở khu vực nông thôn, với hơn 13 triệu hộ nông dân; lực lượng sản xuất này chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, nông thôn mới tạo ra khoảng 1/3 tổng sản phẩm quốc dân. Tỷ trọng công nghiệp chiếm 13,8%, dịch vụ 14,7%, nông nghiệp 71,45% trong tổng giá trị sản xuất. Sự chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn gấp hơn ba lần và đang có xu hướng tăng. Hộ giàu ít, 90% số hộ nghèo thuộc Chương trình 135 là ở nông thôn. Trong khi đó, khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp bị hạn chế, tỷ lệ tăng dân số còn khá cao, tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn chiếm tới 24,7% tổng quỹ thời gian lao động.

Qua điều tra nghiên cứu về thực trạng môi trường nông thôn Việt Nam cho thấy, vấn đề môi trường bức xúc nhất trong nông nghiệp và nông thôn hiện nay là *suy thoái* các loại tài nguyên (rừng, đất, nước và đa dạng sinh học); ô nhiễm môi trường do chất thải (chủ yếu là chất thải rắn); sử dụng hóa chất trong nông nghiệp; nước sạch và vệ sinh môi trường; xung đột môi trường (tranh chấp về đất đai, nguồn lợi hải sản...), sự phân hóa giàu nghèo,...

1.1.2. Thực trạng

Đối với các đô thị ở nước ta hiện nay, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn thiếu thốn rất nhiều, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải, chất thải. Hầu hết hệ thống thoát nước đô thị hiện nay đều dùng chung cả thoát nước mưa và nước thải, đã được sử dụng qua nhiều năm, thiết kế ban đầu không còn theo kịp tốc độ phát triển mới. Hơn nữa phần lớn lượng nước này chưa qua xử lý được xả thẳng ra sông, hồ ao. Thực trạng dễ nhận thấy là tình trạng ô nhiễm môi trường tại các đô thị và khu công nghiệp, nước thải chưa qua xử lý xả trực tiếp vào nguồn nước hiện đang khá phổ biến ở Việt Nam.

Đối với chất thải rắn, phương pháp vẫn dùng phổ biến hiện nay là chôn lấp. Nhưng theo ông Ngô Hồng Quang, Cục trưởng Cục hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng, hiện chỉ mới có 32/63 tỉnh, thành phố trong cả nước có bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh. Giải thích thực trạng này, ông Quang cho rằng với mật độ dân cư lớn ở các đô thị, để lựa chọn được bãi chôn lấp cách xa khu dân cư, bảo đảm vệ sinh là rất khó. Mỗi năm lại có thêm một triệu dân cư gia nhập vào đô thị nên sức ép cho vấn đề này ngày càng lớn. Cũng theo số liệu của Bộ Xây dựng thì khối lượng chất thải mỗi năm ước tính khoảng hơn 12 triệu tấn, nhưng trong đó chỉ có khoảng 10% là được tái chế và 12% được xử lý. Tình trạng nhiều dòng sông, kênh mương thoát nước đô thị, các bãi chôn lấp rác bị ô nhiễm đến mức báo động đã gây ảnh hưởng rất lớn đến việc bảo vệ sức khỏe, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

a. Ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp

Hiện nay trên địa bàn Hà Nội, có 947 hợp tác xã nông nghiệp trong đó có 11 hợp tác xã chăn nuôi; 6 hợp tác xã thủy sản; ngoài ra là các hợp tác xã rau an toàn, hợp tác xã cây ăn quả. Đây được coi là nguồn nhân lực khá mạnh để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, đằng sau sự phát triển các hợp tác xã này thì vấn đề ô nhiễm chất thải nông nghiệp lại chưa được quan tâm đúng mức. Theo ông Lương Minh Thảo, Cục phó Cục Cảnh sát Môi trường thì hiện nay chất thải như phân bón, phân gia súc, các chất bảo vệ thực vật từ các hộ chăn nuôi, chất thải từ chế biến nông sản thực phẩm thải ra môi trường ngày một nhiều mà chưa hề qua xử lý, gây ô nhiễm cho các khu vực nông thôn, thậm chí nhiều nơi ở mức nguy hiểm. Ở một số làng nghề chế biến nông sản, nước thải đổ ra mương máng đồng ruộng đen ngòm, cây trồng không mọc lên được; nông dân lội xuống đồng cày cấy đã bị ngứa lở chân tay, có nơi còn được coi là làng ung thư do ô nhiễm nguồn nước.

Theo khảo sát của Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường Hà Nội, sau khi mở rộng Thủ đô, trung bình mỗi ngày ở các khu dân cư, cơ sở sản xuất thải ra 5.000 tấn chất thải rắn, trong đó 1.500 tấn từ khu vực nông thôn, phần lớn do các hộ nông dân sản xuất thải ra, trong đó chất thải chăn nuôi là lớn nhất. Điển hình tại các vùng chăn nuôi gia súc lớn hoặc chăn nuôi lợn tại Ba Vì, Phúc Thọ, Gia Lâm, Ứng Hòa,... đều dễ dàng thấy mùi hôi từ phân bò, lợn bốc lên, gây viêm xoang, viêm mũi, tiêu chảy và còn tiềm ẩn bao bệnh tật khác chưa phát hiện.

Theo thống kê của Cục Chăn nuôi, trong năm 2008, toàn miền Bắc thải ra hơn 51 triệu tấn rác thải, chất thải rắn do vật nuôi thải ra môi trường bao gồm thức ăn gia súc, phân bón, phân lợn, gia súc,... Đáng lo ngại là chất thải rắn có nguy cơ ô nhiễm cao như chất thải của các hợp tác xã nuôi bò sữa, dê, cừu,... thì hầu như không được xử lý. Bên cạnh đó chất thải lỏng trong chăn nuôi cũng đang trong tình trạng, mạnh ai nấy thải ra môi trường. Theo tính toán của Cục Bảo vệ thực vật thì cứ mỗi bao bì thuốc trừ sâu dùng trong sản xuất nông nghiệp sẽ có 1,8% lượng thuốc dính vào bao bì. Mà hầu hết các vỏ chai, bao bì đó được người nông dân vứt bừa bãi ra đồng ruộng, ao hồ. Đây là nguồn chất thải nguy hại ở các khu vực nông thôn, tình trạng này diễn ra lâu ngày sẽ gây hậu quả khó lường.

b. Ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp, khu chế xuất

Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa khá nhanh và sự gia tăng dân số gây áp lực ngày càng nặng nề đối với tài nguyên nước trong vùng lãnh thổ. Môi trường nước ở nhiều đô thị, khu công nghiệp và làng nghề ngày càng bị ô nhiễm bởi nước thải, khí thải và chất thải rắn. Ở các thành phố lớn, hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang gây ô nhiễm môi trường nước do không có công trình và thiết bị xử lý chất thải. Ô nhiễm nước do sản xuất công nghiệp là rất nặng. Ví dụ: ở ngành công nghiệp dệt may, ngành công nghiệp giấy và bột giấy, nước thải thường có độ pH trung bình từ 9 - 11; chỉ số nhu cầu oxy sinh hóa (BOD), nhu cầu oxy hóa học (COD) có thể lên đến 700mg/l và 2.500mg/l; hàm lượng chất rắn lơ lửng cao gấp nhiều lần giới hạn cho phép. Hàm lượng nước thải của các ngành này có chứa xyanua (CN-) vượt đến 84 lần, H₂S vượt 4,2 lần, hàm lượng NH₃ vượt 84 lần tiêu chuẩn cho phép nên đã gây ô nhiễm nặng nề các nguồn nước mặt trong vùng dân cư.

Mức độ ô nhiễm nước ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung là rất lớn (như Cụm công nghiệp Tham Lương, thành phố Hồ Chí Minh, nguồn nước bị nhiễm bẩn bởi nước thải công nghiệp với tổng lượng nước thải ước tính 500.000m³/ngày từ các nhà máy giấy, bột giặt, nhuộm, dệt. Ở thành phố Thái Nguyên, nước thải công nghiệp thải ra từ các cơ sở sản xuất giấy, luyện gang thép, luyện kim màu, khai thác than; về mùa cạn tổng lượng nước thải khu vực thành phố Thái Nguyên chiếm khoảng 15% lưu lượng sông Cầu; nước thải từ sản xuất giấy có pH từ 8,4-9 và hàm lượng NH₄ là 4mg/l, hàm lượng chất hữu cơ cao, nước thải có màu nâu, mùi khó chịu,...

Khảo sát một số làng nghề sắt thép, đúc đồng, nhôm, chì, giấy, dệt nhuộm ở Bắc Ninh cho thấy có lượng nước thải hàng ngàn m³/ngày không qua xử lý, gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường trong khu vực.

Tình trạng ô nhiễm nước ở các đô thị thấy rõ nhất là ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Ở các thành phố này, nước thải sinh hoạt không có hệ thống xử lý tập trung mà trực tiếp xả ra nguồn tiếp nhận (sông, hồ, kênh, mương). Mặt khác, còn rất nhiều cơ sở sản xuất không xử lý nước thải, phần lớn các bệnh viện và cơ sở y tế lớn chưa có hệ thống xử lý nước thải; một lượng rác thải rắn lớn trong thành phố không thu gom hết được,... là những nguồn quan trọng gây ra ô nhiễm nước. Hiện nay, mức độ ô nhiễm trong các kênh, sông, hồ ở các thành phố lớn là rất nặng.

Ở thành phố Hà Nội, tổng lượng nước thải của thành phố lên tới 300.000 - 400.000m³/ngày; hiện mới chỉ có 5/31 bệnh viện có hệ thống xử lý nước thải, chiếm 25% lượng nước thải bệnh viện; 36/400 cơ sở sản xuất có xử lý nước thải; lượng rác thải sinh hoạt chưa được thu gom khoảng 1.200m³/ngày đang xả vào các khu đất ven các hồ, kênh, mương trong nội thành; chỉ số BOD, ôxy hòa tan, các chất NH₄, NO₂, NO₃ ở các sông, hồ, mương nội thành đều vượt quá quy định cho phép ở thành phố Hồ Chí Minh thì lượng rác thải lên tới gần 4.000 tấn/ngày; chỉ có 24/142 cơ sở y tế lớn là có xử lý nước thải; khoảng 3.000 cơ sở sản xuất gây ô nhiễm thuộc diện phải di dời.

Không chỉ ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh mà ở các đô thị khác như Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Nam Định, Hải Dương,... nước thải sinh hoạt cũng không được xử lý độ ô nhiễm nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép, các thông số chất lơ lửng (SS), BOD; COD; Ôxy hòa tan (DO) đều vượt từ 5-10 lần, thậm chí 20 lần tiêu chuẩn cho phép (*xem phụ lục ảnh 3*).

Về tình trạng ô nhiễm nước ở nông thôn và khu vực sản xuất nông nghiệp, hiện nay Việt Nam có gần 76% dân số đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc không được xử lý nên thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số vi khuẩn Feca coliform trung bình biến đổi từ 1.500 - 3.500MNP/100ml ở các vùng ven sông Tiền và sông Hậu, tăng lên tới 3800 - 12.500MNP/100ML ở các kênh tưới tiêu.

Trong sản xuất nông nghiệp, do lạm dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, các nguồn nước ở sông, hồ, kênh, mương bị ô nhiễm, ảnh hưởng lớn đến môi trường nước và sức khỏe nhân dân. Theo thống kê của Bộ Thủy sản, tổng diện tích mặt nước sử dụng cho nuôi trồng thủy sản đến năm 2001 của cả nước là 751.999 ha. Do nuôi trồng thủy sản ồ ạt, thiếu quy hoạch, không tuân theo quy trình kỹ thuật nên đã gây nhiều tác động tiêu cực tới môi trường nước. Cùng với việc sử dụng nhiều và không đúng cách các loại hóa chất trong nuôi trồng thủy sản, thì các thức ăn dư lắng xuống đáy ao, hồ, lòng sông làm cho môi trường nước bị ô nhiễm các chất hữu cơ, làm phát triển một số loài sinh vật gây bệnh và xuất hiện một số tảo độc; thậm chí đã có dấu hiệu xuất hiện thủy triều đỏ ở một số vùng ven biển Việt Nam.

Không chỉ các doanh nghiệp thiết bị cũ, lạc hậu gây ô nhiễm. Phần lớn các khu công nghiệp hiện đại cũng không có hệ thống xử lý nước thải tập trung và đang tiếp tục gây ô nhiễm trầm trọng. Từ năm 1996 đến năm 1998 Thủ tướng Chính phủ đã ký các quyết định 519/TTg (ngày 6 tháng 8 năm 1996), 713/TTg (ngày 30 tháng 8 năm 1997) và 194/1998/QĐ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng thời kỳ 1996 - 2010.

Tính đến tháng 4 năm 2003, trên địa bàn cả nước đã có 113 khu công nghiệp đã được phê duyệt hoặc được chấp thuận về chủ trương. Đến cuối năm 2002, số khu công nghiệp đã đi vào hoạt động là 74 với tổng diện tích đất tự nhiên là 13.300 ha, trong đó có 68 khu công nghiệp, 4 khu chế xuất và 2 khu công nghiệp cao. Trong đó vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chiếm 70,6% tổng diện tích với 38 khu công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc chiếm 9,8% tổng diện tích với 10 khu công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chiếm 6,6% tổng diện tích với 7 khu công nghiệp, các khu vực khác chiếm 13% tổng diện tích với 18 khu công nghiệp. Tổng số dự án đầu tư trong nước vào sản xuất và dịch vụ sản xuất với tổng số vốn 30.800 tỷ đồng, đầu tư nước ngoài là 1.060 dự án với tổng số vốn đăng ký gần 9 tỷ USD.

Phát triển các khu công nghiệp - khu chế xuất là chiến lược lâu dài của Việt Nam. Thực tế cho thấy quá trình phát triển các khu công nghiệp đã góp phần tăng trưởng GDP, thúc đẩy đầu tư và sản xuất công nghiệp xuất khẩu, phục vụ các ngành kinh tế và tiêu dùng trong nước, góp phần hình thành các khu đô thị mới, giảm khoảng cách giữa các vùng,...

Tuy nhiên, bên cạnh sự chuyển biến tích cực về kinh tế là những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái do khu công nghiệp gây ra. Các loại ô nhiễm nặng nhất mà các khu công nghiệp đem đến cho môi trường là ô nhiễm nước thải, ô nhiễm khí thải, ô nhiễm chất rắn,... Theo Tiến sĩ Nguyễn Trung Việt - Giám đốc Trung tâm Centema (thành phố Hồ Chí Minh) - hầu hết các khu công nghiệp đang được quy hoạch và vận hành đều không quan tâm hoặc quan tâm rất ít đến môi trường và nhiều khu công nghiệp đã phá hủy nghiêm trọng môi trường của nhiều khu vực. Hiện nay, vấn đề đang được quan tâm hàng đầu của hầu hết các khu công nghiệp là làm sao kêu gọi đầu tư để lấp đầy diện tích đất cho thuê, vấn đề môi trường nhiều lúc bị coi là cản trở công tác kêu gọi đầu tư (xem phụ lục ảnh 4).

Theo thống kê, hiện nay tại các khu công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh các nhà máy có hệ thống xử lý nước thải rất ít, do đó tình trạng ô nhiễm vẫn ở mức đáng lo ngại. Khu công nghiệp Tân Tạo có 42 nhà máy có nước thải nhưng chỉ khoảng 20 nhà máy có hệ thống xử lý, Khu công nghiệp Tân Bình có 11 nhà máy có hệ thống xử lý nước thải, trên 24 nhà máy có nước thải gây ô nhiễm. Hàng năm các nhà máy trong khu công nghiệp - khu chế xuất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thải ra 62.726,4 tấn chất thải rắn (nếu tính luôn các nhà máy ngoài các khu công nghiệp thì tải lượng chất thải rắn thải ra là 667.137,1 tấn/năm), các nhà máy tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương hàng ngày thải ra khoảng 82 tấn chất thải rắn.

Thời gian qua, Ban quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (HEPZA) cũng đã phối hợp với các cơ quan, phân tích môi trường tiến hành đo đạc giám sát chất lượng môi trường của các đơn vị sản xuất có phát sinh ô nhiễm tại các khu chế xuất - khu công nghiệp. Đến nay, tại thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 2 khu công nghiệp và 2 khu chế xuất đã đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất khu chế xuất Tân Thuận $10.000\text{m}^3/\text{ngày}$ (công suất thực tế là $2.500\text{m}^3/\text{ngày}$), khu chế xuất Linh Trung $5.000\text{m}^3/\text{ngày}$ (công suất thực tế là $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$); khu công nghiệp Lê Minh Xuân $2.000\text{m}^3/\text{ngày}$, khu công nghiệp Tân Tạo $5.000\text{m}^3/\text{ngày}$,... đã gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

c. Ô nhiễm môi trường làng nghề

Theo một kết luận mới đây của Cục Cảnh sát môi trường (Bộ Công an), hơn 90% làng nghề vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, nặng nề nhất là gây ô nhiễm nước, không khí, đất, an toàn thực phẩm (xem phụ lục ảnh 5).

Qua khảo sát bước đầu về ô nhiễm làng nghề cho thấy: hầu hết các làng nghề đều chưa quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Kết quả phân tích mẫu nước thải, khí thải cho thấy đều vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần như SO₂ vượt quá từ hàng chục lần, nồng độ bụi vượt từ 113 - 230 lần, NO₂ vượt từ 50 - 76 lần. Các cơ sở sản xuất giấy, đồ gỗ, dệt nhuộm, sơ chế da trâu bò,... đều trong tình trạng xả thải nước ô nhiễm trực tiếp ra môi trường.

d. Ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng và khai thác thủy sản

Thời gian qua, Ngành Thủy sản nước ta có những bước phát triển quan trọng dựa trên cơ sở khai thác lợi thế của một quốc gia có thiên nhiên nhiệt đới, giàu tài nguyên biển, đất ngập nước và đa dạng sinh học thủy sinh vật. Tuy nhiên, bên cạnh tiềm năng và lợi thế, biển và các vùng đất ngập nước nói trên cũng là những vùng sinh thái nhạy cảm, chịu nhiều rủi ro trước những biến đổi tự nhiên và các tác động của con người. Các hoạt động sản xuất thủy sản diễn ra với tốc độ nhanh, mạnh và đa dạng trong chừng mực nhất định cũng đã gây sức ép đến môi trường xung quanh và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của ngành do khai thác quá mức và suy thoái giảm nguồn lợi thủy lợi, thủy sản và chất lượng môi trường.

Do nuôi trồng thủy sản có lợi nhuận cao, nên nhiều khu vực ven biển người dân tự ý chuyển đổi diện tích trồng cây nông nghiệp, rừng ngập mặn sang nuôi trồng thủy sản. Trong những năm vừa qua, có phần diện tích không nhỏ các vùng chuyển đổi từ diện tích lúa kém hiệu quả sang nuôi tôm ở đồng bằng sông Cửu Long bị thiệt hại do bệnh tôm và ô nhiễm môi trường, nhất là khi khí hậu thời tiết không thuận lợi. Nguyên nhân chính là công tác quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng và các chính sách quản lý chưa theo kịp nhu cầu thủy sản và thị trường thủy sản.

Hiện có nhiều ngành cùng tham gia khai thác và sử dụng tài nguyên nước mặn, lợ và ngọt, cũng như các vùng đất ngập nước. Sự phối kết hợp quản lý giữa các ngành còn chưa chặt chẽ, thiếu tính liên ngành. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thường mang nặng tính khai thác, ít cân nhắc các yếu tố môi trường. Sự

phát triển như vậy thường không bền vững, làm gia tăng các mâu thuẫn lợi ích giữa các ngành, ảnh hưởng đến các mục tiêu phát triển lâu dài của các ngành, trong đó có thủy sản và thường gây ra các mâu thuẫn lợi ích giữa các ngành và với cộng đồng dân cư.

Hiện nay, nguồn lợi thủy sản vùng gần bờ có xu hướng giảm dần về trữ lượng, sản lượng và kích thước các loài thủy sản đánh bắt. Một số loài cá đem lại lợi ích kinh tế thông thường vẫn đánh bắt với số lượng lớn, đến nay đã trở nên khan hiếm. Hiện có 17 loài cá biển đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Trong nước ngọt, 57 loài cá nước ngọt đang bị đe dọa tuyệt chủng, trong đó có 6 loài có nguy cơ tuyệt chủng, 4 loài bị đe dọa và 8 loài quý hiếm. Nguyên nhân là do còn đánh bắt bằng phương pháp hủy diệt như đánh mìn, dùng hóa chất độc, xung điện, lưới mắt nhỏ, khai thác trái vụ và suy giảm chất lượng hệ sinh thái.

Nguồn lợi gần bờ cũng sẽ chậm phục hồi do các nơi sinh cư tự nhiên quan trọng ở đây như các rạn san hô, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn,... bị phá hủy nghiêm trọng do các hoạt động phát triển ở vùng ven biển và lưu vực sông (tốc độ mất rừng ngập mặn do các hoạt động sản xuất trong giai đoạn 1985 - 2000 ước khoảng 15.000 ha/năm). Điều này dẫn đến không gian sống của các loài thủy sinh ngày càng khan hiếm, tính đa dạng sinh học ngày càng mất đi, tính bất ổn định của các hệ sinh thái ngày càng tăng cao.

Nghề cá nước ta có đặc điểm của nghề cá nhân dân, sản xuất chủ yếu theo ngư hộ, nông hộ, nhưng nhận thức của người dân về các vấn đề khoa học kỹ thuật, về lợi ích kinh tế lâu dài, về trách nhiệm bảo vệ môi trường và về nguồn lợi thủy sản còn thấp. Vì thế, thói quen khai thác nguồn lợi thủy sản và sử dụng đa dạng sinh học còn lạc hậu, ít thân thiện với môi trường (*xem phụ lục ảnh 6*).

Các cộng đồng dân cư ven biển nhìn chung còn nghèo, thiếu vốn đầu tư và cơ sở hạ tầng sản xuất thủy sản yếu kém, đồng thời còn có sự cách biệt về mức sống trong nội bộ cộng đồng dân cư địa phương ven biển với các thương lái thủy sản. Điều này có ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nghề cá của địa phương. Ngư dân làm nghề khai thác gần bờ không ra khỏi vòng xoáy, cái khó bó cái khôn, nguồn lợi ven bờ cạn kiệt, đánh bắt gần bờ năng suất thấp, không có sinh kế thay thế, nên buộc phải tiếp tục cách đánh bắt hủy diệt nguồn lợi gần bờ để *hy vọng* có thêm thu nhập.

Theo xu thế môi trường và phát triển kinh tế, thì các tác động này, ngày càng có xu hướng gia tăng ô nhiễm và thiên tai bất thường, diện tích mặt nước tự nhiên ngày càng có xu hướng thu hẹp lại. Mặt khác, nuôi trồng thủy sản còn chịu tác động của các vấn đề môi trường nảy sinh từ chính các hoạt động sản xuất của ngành, cũng như còn phải vượt qua những đòi hỏi khắc nghiệt ngày càng cao của hàng rào phi thuế quan (tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, quan hệ sản phẩm đối với bảo vệ môi trường sinh thái), đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu trong bối cảnh của cơ chế thị trường cạnh tranh và toàn cầu hóa (xem phụ lục ảnh 7).

Bảo vệ môi trường ngày nay đã trở thành một vấn đề quan trọng ở hầu khắp các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển. Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe cộng đồng rất rõ rệt. Ảnh hưởng đó được xác định theo số lần tỷ lệ người mắc bệnh ở nơi bị ô nhiễm môi trường cao hơn tỷ lệ người bị mắc bệnh ở nơi không ô nhiễm môi trường trong cùng một khu vực. Theo tổng kết của Tổ chức Y tế thế giới có 80% bệnh tật, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm ở các nước đang phát triển là do *môi trường sống mất vệ sinh và nguồn nước bị nhiễm bẩn*. Đối tượng dễ mắc bệnh và có tỷ lệ tử vong cao là phụ nữ và trẻ em.

Hiện nay, tại Việt Nam các loại bệnh trên vẫn tồn tại phổ biến, đặc biệt nước ta có mức nhiễm giun đũa và giun móc vào loại cao trên thế giới. Thực tế cho thấy việc cung cấp nước hợp vệ sinh và bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay vẫn vô cùng khó khăn. Tỷ lệ gia đình có nước sạch ở nông thôn hiện nay khoảng 40 - 60%. Trong cả nước vẫn có khoảng 12 triệu người ở nông thôn chưa có hố xí, trên 30 triệu người đã có hố xí nhưng *không* hợp vệ sinh. Chỉ có khoảng 10 triệu dân nông thôn có hố xí hợp vệ sinh.

Do đô thị hóa và phát triển một số khu công nghiệp nhanh, việc thực hiện quy hoạch và quản lý thiếu đồng bộ; các phương tiện giao thông ngày một gia tăng, cơ sở hạ tầng bị xuống cấp nên đã gây ô nhiễm bụi, tiếng ồn và gây ngập úng khi có mưa to kéo dài. Nước thải đô thị và nước thải công nghiệp chưa được đầu tư các hệ thống xử lý góp phần gây ô nhiễm môi trường khu vực.

Để giải quyết vấn đề về ô nhiễm môi trường, thực hiện theo Quyết định số 256/2003/QĐ - TTg ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định

2020/BC/VL

001694



hướng đến năm 2020 với mục tiêu hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường, tiến tới ngăn chặn về cơ bản mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái và nâng cao chất lượng môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

1.1.3. Yêu cầu của xã hội đối với việc kiểm chế, quản lý của các cơ quan chức năng đối với các sản phẩm an toàn

Hội nghị toàn quốc lần thứ 2 về công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đánh giá kết quả việc thực hiện Chỉ thị 06/2007/CT - TTg, ngày 28 tháng 03 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, đồng thời khẳng định thêm quyết tâm của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan trong việc quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, khống chế dập dịch tiêu chảy cấp,... (xem phụ lục ảnh 8).

Sau 01 năm thực hiện, nhóm giải pháp được ưu tiên đẩy mạnh hàng đầu là công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm đạt được một số kết quả nhất định. Đã có hàng ngàn tin, bài, phóng sự liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm được đăng tải trên các báo, đài; gần 75.000 băng rôn, khẩu hiệu; hơn 400.000 panô, áp phích tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm được treo, dán trên các đường phố,... Công tác tuyên truyền được triển khai tích cực góp phần quan trọng nâng cao nhận thức của người dân về vệ sinh an toàn thực phẩm. Từ năm 2005 đến 2009, tỷ lệ số người sản xuất thực phẩm nhận thức đúng về vệ sinh an toàn thực phẩm tăng từ 47,8% lên 53,8%; nhận thức tăng từ người kinh doanh thực phẩm từ 38,6% lên 45,9% và người tiêu dùng từ 38,3% lên 46,2%.

Có thể thấy những tín hiệu vui qua những con số chuyển biến trên. Tuy nhiên, từ nhận thức đến hành động là cả một quá trình. Kết quả thanh, kiểm tra của các bộ, ngành liên quan cho thấy, số cơ sở vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm chiếm 14,48% trong tổng số 363.541 cơ sở (khoảng gần 92% cơ sở trên cả nước) được kiểm tra; 22% mẫu rau trong tổng số 442 mẫu rau tại 9 chợ đầu mối của 5 tỉnh, thành phố xét nghiệm có tồn dư thuốc bảo vệ thực vật quá mức cho phép; hơn 90.000 chai bia, rượu, nước giải khát các loại không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm bị thu giữ,...

1.2. THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở ĐỒNG NAI

1.2.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp

a. Đặc điểm chung

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với diện tích tự nhiên 5.895km², dân số 2.483.211 người. Là tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, tiếp giáp với các tỉnh: *phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng; phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Tây giáp thành phố Hồ Chí Minh.* Đồng Nai có hệ thống giao thông thuận tiện với nhiều tuyến đường huyết mạch quốc gia đi qua như quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51 và tuyến đường sắt Bắc - Nam.

Là một tỉnh có nền kinh tế phát triển nhanh, Đồng Nai đã đi từ sản xuất lương thực không đủ ăn đến tự đảm bảo nhu cầu lương thực trong tỉnh và có nông sản xuất khẩu, cơ cấu kinh tế đã chuyển đổi mạnh mẽ từ nông - công nghiệp sang cơ cấu công - nông nghiệp - dịch vụ rồi công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp với tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ ngày càng cao; luôn giữ mức tăng trưởng xứng đáng là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm.

Hiện nay, Đồng Nai có ngành công nghiệp với quy mô, năng lực sản xuất đứng thứ 3 cả nước với ngành nghề đa dạng phong phú, tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu và phân bổ các cơ sở công nghiệp đồng bộ hơn, hợp lý hơn dưới hình thức các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, có đội ngũ công nhân, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý dày dặn kinh nghiệm, đây là một lợi thế để Đồng Nai bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho biết, trong 9 tháng đầu năm 2009, nền kinh tế tỉnh nhà tiếp tục có những tăng trưởng, ước thực hiện tổng sản phẩm (GDP) trên địa bàn tỉnh 9 tháng đầu năm 2009 là 23.636,6 tỷ đồng, đạt 74,7% kế hoạch, tăng 8% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 7,8%; khu vực dịch vụ tăng 10,6%; khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 4%. Sản xuất nông nghiệp cũng thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch, như diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 98,9% kế hoạch năm; cây lâu năm tăng 0,2% so cùng kỳ; chuyển dịch cơ cấu cây trồng đã chuyển đổi 259 ha bắp sang trồng cây ăn trái và 599 ha cây hàng năm sang trồng cây lâu năm. Chăn nuôi phát triển ổn định, số lượng đàn gia súc gia cầm tăng so cùng kỳ, dịch

bệnh trong chăn nuôi đã kiểm soát được, đã kịp thời khống chế và dập được dịch heo tai xanh tại xã Thanh Sơn, huyện Định Quán. Về lâm nghiệp đã thực hiện tốt các biện pháp ngăn chặn tình trạng chặt phá, đốt rừng, khai thác rừng trái phép. Sản xuất thủy sản đã tăng sản lượng nuôi trồng (tăng 2,9% so cùng kỳ), mở rộng diện tích nuôi trồng (tăng 13 ha so với cùng kỳ).

Tổng mức hàng hóa bán ra ước 9 tháng đầu năm 2009 đạt 55.171,89 tỷ đồng, tăng 17,74% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ ước 9 tháng đầu năm 2009 đạt 29.909,83 tỷ đồng, tăng 20,65% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất nhập khẩu ước 9 tháng đạt 9.152,66 triệu USD, giảm 16,87% cùng kỳ, đạt 59,1% kế hoạch năm 2009. Kim ngạch xuất khẩu ước 9 tháng đạt 4.498 triệu USD, giảm 5,9% cùng kỳ, đạt 62% kế hoạch năm 2009. Kim ngạch nhập khẩu ước 9 tháng đạt 4.654,66 triệu USD, giảm 25,3% cùng kỳ, đạt 56,6% kế hoạch năm 2009.

Những kết quả đạt được về mặt kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động, đã tạo cho Đồng Nai những chuyển biến tích cực về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, qua đó lòng tin của nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách Nhà nước được củng cố; tạo ra *thế và lực* mới để Đồng Nai bước vào thời kỳ mới đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế quốc tế.

Hiện nay, ngành nông nghiệp của tỉnh Đồng Nai đang có xu hướng phát triển với những khâu bứt phá về giá trị sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng cao, năm sau cao hơn năm trước và sự chuyển dịch cơ cấu ngành tích cực và đúng hướng, tạo tiền đề để Đồng Nai ngày càng phát triển nhanh, bền vững, góp phần xây dựng nông nghiệp và nông thôn theo các tiêu chí mà Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) đã đề ra.

b. Giá trị sản xuất nông nghiệp

Là tỉnh công nghiệp nhưng Đồng Nai lại có *thế mạnh rất lớn* về phát triển nông nghiệp, có gần 50 % dân số sống bằng nghề nông, mật độ dân số ở khu vực nông thôn Đồng Nai khoảng 382 người/km². Tỉnh không ngừng chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, đưa những giống mới vào sản xuất nên dù ngành có nhiều tác động bất lợi nhưng vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Tổng giá

trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh những năm qua luôn giữ mức tăng trên 5% năm.

- Thứ 1, Giá trị sản xuất nông nghiệp chia theo huyện

Huyện Xuân Lộc có giá trị sản xuất nông nghiệp cao nhất (1.132,585 tỷ đồng). Thành phố Biên Hòa là địa phương có giá trị sản xuất nông nghiệp thấp nhất tỉnh với giá trị 148,272 tỷ đồng.

Bảng 1: Giá trị sản xuất nông nghiệp theo địa bàn huyện năm 2007

Huyện	Doanh thu (tỷ đồng)
TP. Biên Hòa	148,272
TX. Long Khánh	413,616
Vĩnh Cửu	259,534
Tân Phú	543,258
Định Quán	787,675
Xuân Lộc	1.132,585
Trảng Bom	657,562
Thống Nhất	515,344
Long Thành	576,910
Nhơn Trạch	258,466
Cẩm Mỹ	852,268

- Thứ 2, Giá trị sản xuất nông nghiệp chia theo lĩnh vực

+ Trồng trọt:

Trồng trọt là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong sản xuất nông nghiệp ở Đồng Nai với giá trị đạt 7.635,374 tỷ đồng (63,87%) trong đó:

- Cây hàng năm có giá trị 2.773,648 tỷ đồng: cây lương thực (1.645,648 tỷ đồng), cây có chất bột (300,632 tỷ đồng), rau đậu các loại (661,225 tỷ đồng), cây công nghiệp hàng năm (276,262 tỷ đồng).

- Cây lâu năm là 4.745,059 tỷ đồng: cây ăn quả (1.812,465 tỷ đồng), cây lâu năm khác (2.902 tỷ đồng).

- Sản phẩm phụ trồng trọt là 116,667 tỷ đồng.

+ Chăn nuôi: Gia súc: 3.242, 426 tỷ đồng; Gia cầm: 390,537 tỷ đồng; Sản phẩm chăn nuôi khác: 239,384 tỷ đồng.

+ Dịch vụ nông nghiệp: có doanh thu tương đối thấp so với 2 ngành trên chỉ chiếm 3,82% (446,417 tỷ đồng).

c. Diện tích, năng suất và sản lượng một số loại cây trồng vật nuôi

**** Cây hàng năm***

- Cây lương thực:

+ Lúa: diện tích gieo trồng năm 2007 trên địa bàn tỉnh là 75.506 ha, năng suất đạt 42,99 tạ/ha, tổng sản lượng là 324.602 tấn. Năng suất cao nhất tại thị xã Long Khánh và huyện Cẩm Mỹ (cùng 53,75 tạ/ha); Bắp: diện tích gieo trồng là 58.190 ha, năng suất bình quân đạt 53,09 tấn/ha, tổng sản lượng là 308.932 tấn. Năng suất bắp tại Xuân Lộc là cao nhất với 59,10 tạ/ha.

+ Cây củ có bột:

Khoai lang: diện tích gieo trồng là 225 ha, năng suất đạt 77,02 tạ/ha, tổng sản lượng là 1.733 tấn. Năng suất cao nhất đạt cao nhất là 89,29 tạ/ha ở huyện Định Quán; *Khoai mì*: diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh là 19.673 ha, năng suất đạt 244,45 tạ/ha, tổng sản lượng là 481.013 tấn. Huyện Xuân Lộc là huyện có năng suất cao nhất (293,33 tạ/ha).

Các cây có bột khác: diện tích gieo trồng năm 2007 tỉnh là 1.040 ha, năng suất đạt 90,63 tạ/ha, tổng sản lượng là 9.425 tấn.

+ Rau đậu các loại:

Rau các loại: diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh là 13.853 ha, năng suất đạt 121,92 tạ/ha, tổng sản lượng là 68.896 tấn. *Đậu các loại*: diện tích gieo trồng là 10.162 ha, năng suất đạt 9,74 tạ/ha, tổng sản lượng là 9.898 tấn.

- Cây công nghiệp hàng năm:

+ *Đậu nành*: diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh là 2.747 ha, năng suất đạt 11,55 tạ/ha, tổng sản lượng là 3.173 tấn. Huyện có năng suất và sản lượng cao nhất là Định Quán (năng suất là 12 tạ/ha, tổng sản lượng là 2.361 tấn).

+ *Đậu phộng*: diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh là 1.371 ha, năng suất đạt 10,93 tạ/ha, tổng sản lượng là 1.499 tấn.

+ Mía: diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh là 8.944 ha, năng suất đạt 569,8 tạ/ha, tổng sản lượng là 509.632 tấn.

+ Thuốc lá: diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh là 1.422 ha, năng suất đạt 13,24 tạ/ha, tổng sản lượng là 1.883 tấn.

+ Bông vải: diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh là 495 ha, năng suất đạt 17,07 tạ/ha, tổng sản lượng là 845 tấn.

*** Cây lâu năm:**

Bảng 2: Diện tích, năng suất và sản lượng một số loại cây lâu năm (năm 2007)

STT	Loại cây	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
Tổng số		169.479		
Cây công nghiệp lâu năm		119.624		
1	Cà phê	16.384	15,21	23.745
2	Cao su	41.401	16,71	55.198
3	Tiêu	6.837	17,77	9.198
4	Dừa	526	75,14	3.667
5	Điều	54.476	11,80	52.743
6	Cây dâu tằm	333	124,07	4.119
Cây ăn quả lâu năm				
1	Cam, quýt	3.766	133,68	46.908
2	Thơm	466	52,79	1.045
3	Chuối	7.186	115,32	75.407
4	Xoài	6.364	81,81	44.700
5	Bưởi	1.206	110,93	13.645
6	Chôm chôm	11.664	126,58	130.458
7	Sầu riêng	4.140	64,9	21.049
8	Mít	574	155,28	6.832
9	Nhãn	5.462	48,00	12.224
10	Mãng cầu	2.269	50,20	10.266
11	Cây ăn quả khác	3.831	77,34	23.459

** Một số loại vật nuôi*

Về chăn nuôi, huyện Xuân Lộc có đàn bò lớn nhất với 27,244 nghìn con, huyện Trảng Bom có đàn heo và gà lớn nhất với 168,993 nghìn con heo và 1.033.543 con gà.

Bảng 3: Số lượng và sản lượng một số loại gia súc gia cầm năm 2007

Loại	Số lượng (con)	Sản lượng (tấn)
Heo	1.105.150	113.436
Trâu	5.650	98
Bò	107.439	2.582
Hươu, Nai	675	-
Dê	59.086	-
Gia cầm	4.975.000	7.721
Đàn ong	78.403 đàn	2.350

Về thủy sản, diện tích mặt nước nuôi trồng toàn tỉnh là 32.324 ha trong đó diện tích nước mặn, lợ là 1.556 ha, diện tích nước ngọt là 30.768 ha cụ thể như sau:

Bảng 4: Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2007

STT	Loại hình	Nước mặn, lợ (ha)	Nước ngọt (ha)
1	Nuôi cá	16	30.415
2	Nuôi tôm	1.540	274
3	Nuôi hỗn hợp	0	8
4	Ươm, nuôi giống	0	71

Năm 2007, nuôi trồng thủy sản đạt 28,782 nghìn tấn (chiếm 89,4%), đánh bắt 3,425 nghìn tấn (chiếm 10,6%). Tổng giá trị đạt 689,578 tỷ đồng trong đó đánh bắt có giá trị là 63,181 tỷ, nuôi trồng 597,342 tỷ và dịch vụ thủy sản khác 29,055. Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2007 chia theo loài như cá: 26,591 nghìn tấn; tôm: 2,100 nghìn tấn.

*** Lâm nghiệp**

Huyện Xuân Lộc có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất tỉnh năm 2007, chiếm 30,5 giá trị sản xuất lâm nghiệp toàn tỉnh. Trong khi đó, huyện có diện tích rừng trồng mới cao nhất là Vĩnh Cửu chiếm 26,7% tổng diện tích rừng mới toàn tỉnh.

Bảng 5: Diện tích rừng trồng mới và giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2007 chia theo huyện

Huyện	Diện tích rừng trồng mới (ha)	Giá trị (tỷ đồng)
TP. Biên Hòa	0	0,061
TX. Long Khánh	0	0
Vĩnh Cửu	501	15,473
Tân Phú	80	7,527
Định Quán	343	12,178
Xuân Lộc	433	22,624
Trảng Bom	7	1,010
Thống Nhất	0	1,219
Long Thành	37	3,775
Nhơn Trạch	460	10,203
Cẩm Mỹ	18	0,229
Tổng cộng	1.879	74,299

Tổng diện tích rừng toàn tỉnh là 153.585 ha. Trong đó, rừng tự nhiên 110.473 ha, rừng trồng 43.112 ha. Trong năm 2007, sản lượng củi khai thác là 47.717m³, gỗ 36.541m³, tre 578m³, nguyên liệu giấy 54.774m³. Chăm sóc và tu bổ được 10.888 ha rừng.

Cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đã có những thay đổi theo hướng tăng diện tích đất phi nông nghiệp như sau: 478.010,31 ha (80,99%); đất phi nông nghiệp là 109.888,72 ha (18,62%) và đất chưa sử dụng là 2.316,44 ha (0,39%). Nông nghiệp có những bước đột phá với năng suất và giá trị sản xuất năm sau cao hơn năm trước và sự chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành tích cực theo hướng tăng tỉ trọng chăn nuôi. Tập trung phát triển các vùng chuyên canh nông sản,

phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm, khai thác nguồn lợi thủy sản khu vực sông Đồng Nai, hồ Trị An gắn với công nghiệp chế biến phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Đảm bảo mức tăng trưởng GDP bình quân của ngành nông nghiệp (bao gồm: chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ nông nghiệp) bình quân 4 - 4,5%/ năm, trong đó chăn nuôi 8 - 10%/ năm, trồng trọt 2 - 3%/ năm, dịch vụ nông nghiệp 10 - 12%/năm; thủy sản 7 - 8%/ năm. Dự trù đến năm 2010, ổn định diện tích các cây trồng chính: lúa từ 60.000 - 62.000 ha; cà phê: 20.000 ha; cao su: 42.000 - 45.000 ha; cây ăn trái các loại 20.000 ha. Khai thác tốt và hiệu quả 25.000 ha mặt nước (sông Đồng Nai, hồ Trị An để nuôi trồng thủy sản các loại).

Trồng mới từ 5.000 - 10.000 ha rừng; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ. Dự trù nâng độ che phủ toàn tỉnh lên 50% vào năm 2010 (trong đó, 30% diện tích rừng và 20% diện tích các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả).

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng địa bàn và tín hiệu thị trường, kết hợp với phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, tận dụng thời gian lao động nông nhàn. Huy động các nguồn vốn (kể cả vốn ngoài nước) để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ở nông thôn.

Thời gian qua, tuy giá tất cả các vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp đều tăng cao, nhưng tăng trưởng của ngành nông nghiệp vẫn đạt 5,6%. Tổng diện tích các loại cây trồng vẫn đạt trên 300.000 ha và năng suất các loại cây trồng đều tăng từ 1- 3 tạ/ha. Chăn nuôi vẫn đảm bảo đàn heo 1,2 triệu con, gà hơn 5 triệu con và không để xảy ra dịch bệnh.

1.2.2. Những thành tựu trong bảo vệ môi trường sản xuất nông nghiệp

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và các văn bản dưới luật, Đồng Nai đã ban hành các nghị quyết, chương trình hành động cụ thể về bảo vệ môi trường trong giai đoạn 2006 - 2010 và tầm nhìn 2020. Trong đó có Chương trình hành động số 05/2006 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghị Quyết số 78/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh thời kỳ 2006 - 2010, trong đó có bảo vệ môi

trường và nhiều kế hoạch, chương trình bảo vệ môi trường khác;.... Bên cạnh đó, tỉnh đã chỉ đạo rà soát và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường do địa phương ban hành không còn phù hợp với luật bảo vệ môi trường năm 2005.

Đồng thời, thông qua các chương trình hành động, kế hoạch bảo vệ môi trường như trên, công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh, đã được định hướng toàn diện, đồng thời xác định rõ nhiệm vụ và các giải pháp lớn về bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Trên cơ sở đó, danh mục các dự án về bảo vệ môi trường được tiến hành tổng kết hàng năm và ký kết các chương trình liên tịch với các ngành, đoàn thể về bảo vệ môi trường, tổ chức phát động các tuần lễ bảo vệ môi trường, thẩm định và phê duyệt 112 dự án đánh giá tác động môi trường theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và kiểm tra sau đánh giá tác động môi trường nhằm đưa công tác bảo vệ môi trường đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Mở rộng hợp tác quốc tế với Tổ chức Lao động Quốc tế, Tổ chức Y tế thế giới, với các nước trong khu vực và thế giới trong các lĩnh vực nhằm trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cung cấp thông tin, đào tạo, huấn luyện cán bộ về an toàn - vệ sinh lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Tranh thủ và sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ, sự trợ giúp kỹ thuật, góp phần đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động trong nông nghiệp, tạo sự phát triển bền vững cho ngành sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Đồng Nai tăng lên đáng kể, đặc biệt là kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và ngành công nghiệp.

Ngành nông nghiệp đã tổ chức triển khai dự án “Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn”, thông qua chương trình quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đã đưa tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, số hộ có chuồng trại hợp vệ sinh, số hộ có hố xí hợp vệ sinh tăng lên hàng năm.

Từ 1.141.285 người (năm 2006) tăng lên 1.205.004 người (năm 2007), đạt 78,2% tổng số dân cư nông thôn. Nâng tỉ lệ số hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh từ 46% (85.588 hộ) năm 2006 lên 50,02% (93.753 hộ) năm 2007. Đến năm 2008, tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước sạch đạt 82%; hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt 54%, hộ có hố xí hợp vệ sinh đạt 62%. Môi trường nông nghiệp và nông thôn được cải thiện, chương trình quản lý dịch hại tổng hợp

(IPM) được triển khai và nhân rộng, từng bước hạn chế được dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong môi trường.

- Phát động được 10 đợt ra quân làm vệ sinh với hơn 366.000 lượt người tham dự: thu gom 7.300 tấn chất thải sinh hoạt, phát quang bụi rậm dọc theo kênh mương và các tuyến đường nông thôn; xây dựng mới 71 hố ga xử lý nước thải sinh hoạt, 38 túi biogas xử lý chất thải trong chăn nuôi,...

- Công tác quản lý môi trường ngày càng góp phần hạn chế mức gia tăng ô nhiễm và suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường ở một số khu vực trọng điểm. Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn về cấp nước sạch, hố xí hợp vệ sinh, chuồng trại hợp vệ sinh ngày càng được chú trọng, thực hiện tốt. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm; tình hình phá rừng, cháy rừng được hạn chế; các hệ sinh thái rừng dần được tái sinh, phục hồi và phát triển, nâng cao độ che phủ trên địa bàn tỉnh.

Ngành nông nghiệp đã nghiên cứu và ban hành quy trình công nghệ cao trên cây ăn trái và cây công nghiệp dài ngày, các Trung tâm Khuyến Nông, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Thú y đã phối hợp với các địa phương chuyển giao cho nông dân các tiến bộ kỹ thuật về: xử lý ra hoa trái vụ, tưới, bón phân và chăm sóc cây công nghiệp, cây ăn trái lâu năm theo quy trình công nghệ cao, giảm lượng nước tưới, tăng hiệu quả sử dụng phân bón, hạn chế sâu bệnh; sử dụng giống mới, bón phân cân đối, thực hiện chương trình IPM, sạ lúa theo hàng, áp dụng kỹ thuật 3 giảm 3 tăng.

Trong chăn nuôi đã phổ biến người dân áp dụng quy trình chăn nuôi trong chuồng kín, có hệ thống thông gió, làm mát, xử lý chất thải bằng biogas; thực hiện tốt công tác tiêm phòng, không để xảy ra dịch bệnh. Ngành cũng đã tập trung nhân rộng các mô hình nuôi cá giống có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với môi trường như: cá rô, cá lăng, cá thác lác, cá bống tượng, tôm càng xanh,... Năm 2008, toàn tỉnh đã chuyển đổi diện tích lúa sang trồng bắp vụ Đông Xuân đạt 332 ha, rau đạt 400 ha việc chuyển đổi này đã mang lại hiệu quả khá cao.

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, năm 2009 tình hình tiêu thụ nông sản sẽ còn gặp nhiều khó khăn do biến động của thị trường. Vì thế, Đồng Nai cần tập trung ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất để giảm chi phí đầu vào, đồng thời đảm bảo an toàn chất lượng theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Theo đó, trong năm 2009, ngành nông nghiệp sẽ tập trung vào 9 chương trình hành

động cụ thể về phát triển cây trồng, vật nuôi; thủy lợi; lâm nghiệp; thủy sản; phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại,... Trọng tâm là chuyển dịch nhanh diện tích trồng lúa sang trồng bắp và các cây màu trong vụ Đông Xuân, triển khai nhanh những dự án cây trồng chủ lực đã được phê duyệt và cho ứng dụng ngay những tiến bộ khoa học kỹ thuật theo quy trình công nghệ cao vào sản xuất,... (xem phụ lục ảnh 9).

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì cho rằng, tiêu thụ nông sản trong năm 2009 sẽ không quá khó khăn như dự báo. Hiện giá nhiều các loại nông sản đã bắt đầu tăng, cụ thể như giá gạo xuất khẩu trong tháng 2-2009 đã tăng trên dưới 100 USD/tấn, kéo theo giá lúa trong nước cũng tăng thêm hơn 1.000 đồng/kg. Ngoài ra, bắp, tiêu, cà phê cũng bắt đầu tăng nhẹ. Tuy nhiên, để đảm bảo sản xuất luôn có lời, nông dân phải đồng loạt áp dụng những tiến bộ kỹ thuật để giảm giá thành và tăng năng suất. Đặc biệt ở Đồng Nai, địa phương có nhiều thế mạnh về cây ăn trái, tiêu và cà phê nhưng cho đến nay những kết quả Đồng Nai đạt được vẫn chưa tương xứng với địa phương, nên trong thời gian tới địa phương cần tập trung ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào chăm sóc nhiều hơn nữa. Bởi thị trường trong và ngoài nước đang cần những sản phẩm sạch, có nguồn gốc rõ ràng. Nhất là khi trái cây muốn xuất khẩu được thì phải thực hiện theo quy trình *Global GAP*.

a. Chăn nuôi an toàn dịch bệnh

Với lợi thế dồi dào nguồn nguyên liệu sản phẩm nông nghiệp, Đồng Nai hiện là địa phương phát triển mạnh về chăn nuôi. Nhằm cung cấp cho thị trường tiêu thụ nguồn thực phẩm chăn nuôi đảm bảo vệ sinh an toàn dịch bệnh động vật, Chi cục thú y Đồng Nai đang tiến hành xây dựng vùng - cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. Theo đó, vùng an toàn dịch bệnh - cơ sở an toàn dịch bệnh của một loài động vật đối với 1 bệnh hay nhiều bệnh; Vùng an toàn dịch bệnh - cơ sở an toàn dịch bệnh của nhiều loài động vật với 1 bệnh hay nhiều bệnh.

Vùng an toàn dịch bệnh là vùng lãnh thổ (của 01 huyện hay nhiều huyện, 01 tỉnh hay nhiều tỉnh) được xác định ở đó không xảy ra ca bệnh nào trong thời gian quy định cho từng loại bệnh hay nhiều loại bệnh và các hoạt động thú y phải bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh, kinh doanh, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y giết mổ. Kiểm soát được nguồn gốc động vật và sản phẩm động vật trong vùng an toàn dịch bệnh - cơ sở an toàn dịch bệnh.

Còn cơ sở an toàn dịch bệnh là cơ sở chăn nuôi gia súc gia cầm hoặc 01 xã, phường mà ở đó không xảy ra ca bệnh nào trong thời gian quy định cho từng loại bệnh và các hoạt động chăn nuôi, thú y đảm bảo kiểm soát được dịch bệnh, kiểm soát được việc xuất nhập động vật cùng sản phẩm động vật. Vùng an toàn dịch bệnh - cơ sở an toàn dịch bệnh phải hội tụ đầy đủ những điều kiện, bao gồm:

+ Không có dịch lở mồm long móng ít nhất 12 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết hay tiêu hủy hoặc sau 02 năm kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng đã khỏi bệnh.

+ Không có bệnh dịch tả heo ít nhất 40 ngày kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng đã bị tiêu hủy hoặc sau 6 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng khỏi bệnh hay chết.

+ Không có bệnh dại ít nhất 24 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết hay bị tiêu hủy.

+ Không có bệnh Newcastle, dịch tả vịt ít nhất 01 năm kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng chết.

+ Đối với bệnh rối loạn hô hấp và sinh sản thể độc lực cao phải không có ít nhất 6 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết hay sau 1 năm đối với con vật cuối cùng khỏi bệnh.

+ Phải an toàn với các bệnh khác như: Leptospirosis, Brucellosis, Aujeszky, Gumboro, Marek,... ít nhất 6 tháng khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị tiêu hủy hay sau 01 năm đối với con vật mắc bệnh cuối cùng khỏi bệnh.

Tuy nhiên, vùng an toàn dịch bệnh vẫn có thể xảy ra bệnh khác thuộc danh mục phải công bố dịch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng còn lẻ tẻ, số lượng ít, không phát thành dịch và động vật mắc bệnh được xử lý kịp thời theo quy định.

Tính đến cuối tháng 11 năm 2009, trên địa bàn Đồng Nai có 23 trại gà, 2 trại heo được công nhận đạt tiêu chuẩn cơ sở an toàn dịch bệnh. Tuy con số còn khiêm tốn, nhưng chứng tỏ sự nhận thức của các nhà chăn nuôi trong tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực dẫn đến việc tình nguyện bỏ vốn đầu tư xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh nhằm tránh thiệt hại do dịch bệnh gây ra. Trên địa bàn Đồng Nai hiện có 1.275 trang trại chăn nuôi. Thực tế cho thấy hầu hết các trang trại

đều cố gắng đầu tư cơ sở chuồng trại với trang thiết bị phục vụ chăn nuôi theo hướng tập trung công nghiệp. Nhưng như thế chưa đủ, vì chăn nuôi tập trung - công nghiệp còn phải kèm theo yếu tố an toàn nữa mới mang lại hiệu quả bền vững.

Quy trình chăn nuôi an toàn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành là phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y và an toàn dịch bệnh trong quá trình chăn nuôi. Đủ tiêu chuẩn thú y có nghĩa là phải đạt các chỉ tiêu kỹ thuật vệ sinh phòng bệnh để bảo vệ và phát triển động vật, hạn chế gây ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe con người. Theo đó, khu chăn nuôi bao gồm toàn bộ các chuồng trại và những công trình phục vụ chăn nuôi phải ở trong cùng khu vực. Đàn giống sạch bệnh, có chất lượng ổn định về di truyền, đồng đều về ngoại hình thể trạng. Địa điểm được cấp thẩm quyền cho phép theo quy hoạch địa phương, vị trí cách xa khu dân cư và có tường bao quanh ngăn chặn mọi sự xâm nhập. Khu chăn nuôi có hố sát trùng cho mọi phương tiện và người đi qua; Chuồng được bố trí thành nhiều khu vực cho nhiều lứa tuổi khác nhau, vệ sinh khử trùng, kho chứa, xử lý chất thải. Thức ăn chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn quy định về chất dinh dưỡng, tuyệt đối không sử dụng các loại hormone hay kích thích tố tăng trọng, nước dùng không bị nhiễm quá giới hạn cho phép về các chỉ số vi sinh vật và các thành phần lý hóa. Áp dụng quy trình “cùng vào, cùng ra” theo kiểu cuốn chiếu để thuận lợi việc tiêu độc sát trùng sau mỗi chu kỳ chăn nuôi.

Như vậy, chỉ có chăn nuôi tập trung - công nghiệp - an toàn mới phòng chống được mối nguy hiểm dịch bệnh đe dọa và mang lại hiệu quả thật sự ổn định cho người chăn nuôi.

Không chỉ là mục tiêu của người chăn nuôi trong tỉnh mà chăn nuôi an toàn - tập trung - công nghiệp còn nhằm gây dựng vùng nguyên liệu bền vững phục vụ cho Nhà máy Chế biến thực phẩm D&F hoạt động để cung cấp cho thị trường những sản phẩm thực phẩm bảo đảm an toàn vệ sinh giúp người tiêu thụ giữ gìn sức khỏe.

Theo xu hướng phát triển của xã hội, nhu cầu sử dụng thực phẩm an toàn đang gia tăng nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và đây cũng là điều quan tâm của Nhà nước cùng các nhà đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, phân phối sản phẩm an toàn. Nguồn thực phẩm bảo đảm vệ sinh an toàn đương nhiên phải

đạt đầy đủ những tiêu chuẩn vệ sinh an toàn từ gốc đến ngọn. Nghĩa là phải bảo đảm chất lượng từ khâu con giống, chăn nuôi theo quy trình vệ sinh an toàn dịch bệnh do Cục Thú y quy định (như dùng thực phẩm gia súc gia cầm không pha trộn chất kích thích tăng trưởng và thuốc thú y trong danh mục cho phép, chuồng trại hợp vệ sinh), giết mổ - chế biến - vận chuyển - bày bán đều được bảo quản tốt tránh sự lây nhiễm vi sinh vật gây hại cho người. Đáng mừng là trên địa bàn Đồng Nai hiện có Nhà máy Chế biến thực phẩm D&F đang hoạt động với tiêu chí “an toàn từ trang trại đến bàn ăn”. Các sản phẩm thịt gia súc gia cầm của nhà máy được tổ chức chăn nuôi tại các trang trại đạt chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của Cục Thú y; được giết mổ đến chế biến trên dây chuyền hiện đại và vận chuyển đến điểm bán bằng xe chuyên dụng có nhiệt độ dưới 7 độ C; tất cả sản phẩm D&F bày bán trong điều kiện bảo quản lạnh (3 - 5°C) tại các siêu thị, cửa hàng, quầy hàng. Nhưng điều đáng nói là chất lượng sản phẩm được bảo đảm an toàn song giá cả không chênh lệch cao hơn giá sản phẩm không hợp vệ sinh bày bán ở nơi khác. Chất lượng thịt gà của D & F sản xuất ngon hơn thịt gà bán ở chợ. Giúp người tiêu dùng tự bảo vệ sức khỏe và để nguồn thực phẩm bảo đảm an toàn vệ sinh đã được người tiêu dùng bình chọn “Hàng Việt Nam chất lượng cao” nhanh chóng tiếp cận rộng rãi với thị trường, Nhà máy Chế biến thực phẩm D&F đang hướng tới mục tiêu chuyển đổi thói quen sử dụng thịt nóng sang thịt lạnh được bảo quản mát (nhằm ức chế sự phát triển của các vi khuẩn gây hại) và cung cấp thực phẩm an toàn cho tất cả các hộ kinh doanh thịt ở các chợ truyền thống trong địa bàn tỉnh; các Quận 1, 3, Tân Bình, Bình Thạnh (thành phố Hồ Chí Minh); khu vực đông dân cư của các tỉnh lân cận như Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu; ...

Đồng Nai là địa phương đứng đầu cả nước về phát triển chăn nuôi, với khoảng 1,2 triệu con lợn và khoảng hơn 8 triệu con gà, nhưng do không có quy hoạch và nhận thức về bảo vệ môi trường của các hộ chăn nuôi còn hạn chế, nên hiện nay môi trường ở các vùng chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang ở mức báo động.

Theo các nhà chuyên môn thì hiện nay nguồn nước mặt tại các vùng chăn nuôi (nhất là nuôi heo) đã bị ô nhiễm nặng. Ngoài các chất thải sinh hoạt, các tạp chất hóa học trong các loại thuốc bảo vệ thực vật,... môi trường nước và không khí ở các Phường Long Bình, Tân Biên, Hố Nai (thành phố Biên Hòa), huyện Long Thành, Trảng Bom,... còn phải hứng chịu một lượng lớn các chất

thải từ các trang trại nuôi heo. Bởi gần như toàn bộ các hộ chăn nuôi ở đây đều xả thẳng các chất thải chăn nuôi ra các cống thoát, để phân, rác, nước tiểu của heo... tự do chảy vào các ao hồ, sông suối trong khu vực. Không những thế, nhiều hộ chăn nuôi còn cho nguồn nước thải chăn nuôi tràn ra khu vực quanh chuồng trại và cho thấm tự nhiên, gây nên tình trạng ô nhiễm nặng bầu không khí và mặt đất. Hiện nay, hệ thống suối qua thành phố Biên Hòa đang bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi nguồn chất thải chăn nuôi, như suối Linh, suối Săn Máu, suối Bà Bọt,... Tại nhiều cửa cống, nguồn nước ứ đọng đã gây ra mùi hôi thối nồng nặc, khiến cho người dân sống quanh những con suối này phải "kêu trời" vì ô nhiễm. Qua kết quả quan trắc tại một số vùng chăn nuôi tập trung cho thấy nguồn nước thải tại những vùng chăn nuôi đều không đạt tiêu chuẩn cho phép. Hàm lượng các chất hữu cơ biểu thị qua các chỉ số BOD, COD đều vượt mức, đặc biệt, nguồn nước tại những vùng này có chứa rất nhiều vi sinh vật, các ký sinh trùng gây bệnh, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Tại cửa cống thoát phường Long Bình (Biên Hòa), lượng Ecoli và Coliform trong nước đo được đã vượt mức cho phép nhiều lần, tất cả các chỉ tiêu về chất thải đều không đạt loại B tiêu chuẩn Việt Nam.

Mặc dù, thời gian qua, một số hộ chăn nuôi đã đầu tư xây dựng hầm khí sinh học biogas nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tận dụng nguồn phân thải. Nhưng con số đó cũng còn rất ít so với số hộ chăn nuôi hiện có trong vùng và làm cho tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng. Đã đến lúc, tỉnh Đồng Nai cần phải thực hiện ngay việc quy hoạch ngành chăn nuôi và thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Ngành Chăn nuôi Việt Nam nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng trong những năm gần đây đã có những bước phát triển mạnh. Từ chăn nuôi nhỏ lẻ là chủ yếu, hiện nay chăn nuôi theo quy mô trang trại tập trung đang được triển khai trên diện rộng. Tại Đồng Nai, chăn nuôi trang trại chiếm khoảng 65% tổng đàn. Hàng năm cung cấp ra thị trường một số lượng lớn sản phẩm chăn nuôi có độ đồng đều cao, chất lượng tốt, giá thành hạ.

Tuy nhiên, do chạy theo lợi nhuận, một số cơ sở chăn nuôi đã không tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý nhà nước, như sử dụng kháng sinh thiếu kiểm soát, sử dụng chất kích thích tăng trưởng,... dẫn đến sản phẩm làm ra không sạch, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu thực phẩm của người tiêu dùng, một số trang trại chăn nuôi trong tỉnh đã đi tiên phong trong việc áp dụng quy trình chăn nuôi sạch như nuôi gà chuồng lạnh, nuôi gà thả vườn theo hướng an toàn sinh học, nuôi heo sạch, nuôi heo Hương Thảo,... sản phẩm của các trang trại này đã thỏa mãn được yêu cầu “sạch” của người tiêu dùng.

- *Mô hình nuôi gà chuồng lạnh*: Mô hình này hiện đã không còn xa lạ gì với những chủ trang trại lớn ở Đồng Nai. Người tiên phong cho mô hình trang trại này phải kể đến anh Lê Văn Quyết ngụ tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành.

Anh Quyết cho biết, năm 2003 anh xây dựng trang trại với sức chứa 25.000 con, sau hai năm thử nghiệm thấy có lãi, anh tiếp tục mở rộng quy mô lên 50.000 con và đến năm 2006 quy mô chuồng trại đã có sức chứa tới 75.000 con.

Theo anh Quyết, vốn đầu tư chuồng trại khi áp dụng mô hình chăn nuôi khép kín rất cao, thấp nhất cũng vào khoảng 500 triệu đồng và cao nhất lên đến 1 tỷ đồng cho mỗi trại quy mô 10.000 con. Tuy chi phí cao nhưng có thể sử dụng trong thời hạn 5 năm, cho nên người nuôi thu lợi nhuận cao. Anh cũng cho biết, lợi điểm của kiểu chuồng lạnh là nuôi gà rất an toàn, gà nuôi được cách ly với nguồn dịch bệnh, cũng như chim và chuột từ bên ngoài không thể vào được bên trong chuồng, nuôi được nhiều con trên mét vuông diện tích chuồng, gà tăng trọng nhanh, ít tiêu tốn thức ăn cho mỗi con và gà ít khi bị nhiễm bệnh hơn kiểu chuồng hở. Bên cạnh đó, chăn nuôi theo mô hình này làm giảm thiểu tới mức thấp nhất tình trạng ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, để thực hiện được mô hình này, ngoài nguồn vốn còn phải nắm bắt được kỹ thuật cũng như tuân thủ nghiêm ngặt những quy trình chăm sóc gà. Anh Quyết cho rằng, tuy tốn nhiều chi phí đầu tư chuồng trại ban đầu nhưng về hiệu quả kinh tế thì kiểu chuồng lạnh cao hơn.

Cụ thể, dưới hình thức nuôi gia công gà cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Chăn nuôi cổ phần Việt Nam, mỗi lứa kéo dài từ 45 - 50 ngày, cộng thêm thời gian vệ sinh chuồng trại thì mỗi năm cũng nuôi được 5 lứa gà. Lợi nhuận mỗi lứa là 130 triệu đồng. Như vậy, bình quân mỗi năm anh Quyết lãi trên 650 triệu đồng, tính ra thu nhập trên 54 triệu đồng/tháng.

- *Mô hình nuôi gà thả vườn theo hướng an toàn sinh học*: Nuôi gà thả vườn theo hướng an toàn sinh học, nhằm giảm thiểu dịch bệnh cho gà, cho người trực

tiếp chăn nuôi, tạo sản phẩm sạch cho người tiêu dùng và không gây ô nhiễm môi trường.

Nuôi theo cách này, phải tuân thủ quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt con giống phải có nguồn gốc rõ ràng; nuôi tập trung, tiêm phòng vắc xin đầy đủ. Môi trường chăn nuôi phải được khử trùng tiêu độc 01 lần/tuần. Các loại chất thải chăn nuôi phải được xử lý đúng qui định.

Điển hình cho mô hình chăn nuôi này là cơ sở chăn nuôi gà của chị Trương Thị Thu Vân, ngụ tại ấp Tân Phong, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Chị Vân sử dụng giống gà Lương Phượng từ Trại gà Đà Lạt, sử dụng thức ăn hỗn hợp 510L, 511L dạng viên của Công ty cổ phần Việt Nam, kết hợp thức ăn có sẵn (bắp, cám gạo, mì,...).

Lịch chủng ngừa như sau:

- + 7 ngày tuổi: Newcastle chủng F;
- + 10 ngày tuổi: đậu gà;
- + 14 ngày tuổi: Gumboro;
- + 15 ngày tuổi: Cúm gia cầm;
- + 21 ngày tuổi: Newcastle chủng Lasota;
- + 28 ngày tuổi: Gumboro.

Phun thuốc sát trùng (TH4) xung quanh chuồng 1 lần/tuần. Ngoài ra, còn cho uống Vitamin tổng hợp và kháng sinh khi thời tiết thay đổi. Sau 10 tuần nuôi, trọng lượng xuất chuồng bình quân 2,0 kg/con, hệ số chuyển hóa thức ăn: 2.6, tỷ lệ sống 98%,

Theo chị Vân tính toán: với diện tích chuồng 150 - 200m² có thể nuôi 1.000 con gà, mỗi năm nuôi 4 lứa, trừ chi phí lãi 7 triệu đồng/lứa.

Hiện nay chị Vân đã sắm máy xịt rửa chuồng trại, chụp úm, máng ăn, máng uống đồng bộ, chăm sóc gà đúng kỹ thuật, gà hoàn toàn không bị nhiễm bệnh tật, môi trường bảo đảm vệ sinh. Chăn nuôi gà an toàn sinh học không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cao mà còn tạo cho người nuôi bỏ được tập quán chăn nuôi cũ, tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- *Mô hình nuôi heo chuồng kín*: Một trong những mô hình được nhiều người quan tâm là nuôi heo bằng "máy lạnh". Thực ra đây là một hệ thống làm mát

bằng hơi nước được thiết kế để giảm nhiệt độ trong chuồng heo mỗi khi trời nóng. Một trong những trang trại đầu tiên ở Đồng Nai làm chuồng lạnh trại heo Kim Long ở xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, trại heo với gần 5.000 con. Tuy phải đầu tư cao nhưng nhờ hệ thống chuồng heo này mang lại hiệu quả kinh tế thấy rõ nên chỉ trong thời gian ngắn, trang trại đã thu hồi được vốn (*xem phụ lục ảnh 10*).

Đến nay, đàn heo của tỉnh đã có trên 1 triệu con và người chăn nuôi heo đang tìm công nghệ chăn nuôi tiên tiến để ứng dụng nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chị Phạm Thị Thơm chủ trại phân tích: "Heo sẽ lớn nhanh và ít bệnh khi chúng được sống trong nhiệt độ từ 26°C - 29°C, kiểu chuồng này đã đáp ứng được điều đó. Nuôi heo bằng kiểu chuồng lạnh thì không cần phải tắm cho heo, như vậy nguồn nước xả ra ít, mình sẽ xử lý được tốt và nhất là không gây ô nhiễm. Nuôi heo bằng kiểu chuồng này, chất lượng heo đạt cao và đảm bảo nên giá bán ra luôn cao hơn heo bình thường. Đó là những lợi ích kinh tế thấy ngay trước mắt mà người chăn nuôi heo nào cũng nghĩ tới". Mô hình chuồng lạnh của chị Thơm đang được nhiều hộ chăn nuôi heo trong tỉnh học tập làm theo. Chị Thơm cũng cho rằng, nếu bước vào chăn nuôi chuyên nghiệp, dù với quy mô ít hay nhiều thì người nuôi heo cũng nên xây dựng hệ thống chuồng lạnh.

- *Mô hình nuôi heo Hương Thảo*: Trong xu hướng tiêu dùng hiện nay, làm thế nào để cung cấp cho thị trường sản phẩm thịt sạch, vừa bảo đảm được sức khỏe người tiêu dùng, vừa bảo đảm được lợi nhuận cho người chăn nuôi là vấn đề khá nan giải của ngành nông nghiệp. Nhận thức được điều này, với nỗ lực sau gần 3 năm nghiên cứu, Công ty Minh Dũng đã thành công với sản phẩm heo Hương Thảo, một sản phẩm heo siêu sạch với quy trình chăn nuôi bằng thảo dược do công ty hợp tác với các chuyên gia nghiên cứu, chiết xuất thảo dược từ cây cỏ trong thiên nhiên làm nguồn thuốc Đông y, phục vụ trong suốt quá trình chăn nuôi heo (*xem phụ lục ảnh 11*).

Bà Vũ Thị Ngọc Trinh, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Minh Dũng cho biết, chương trình nuôi heo Hương Thảo đã và đang được Công ty Minh Dũng hợp tác với 5 cơ sở chăn nuôi với tổng số heo hơn 500 con, từ giai đoạn heo đạt trọng lượng 40 - 45kg đến khi xuất chuồng. Sau 90 - 100 ngày sử dụng thảo dược, heo Hương Thảo được giết mổ, lấy mẫu để phân tích kiểm nghiệm.

Theo kết quả kiểm nghiệm, các chỉ tiêu trong thịt đạt so với tiêu chuẩn Việt Nam đã nói lên phần nào heo Hương Thảo có chất lượng sạch và an toàn, là nguồn thực phẩm mới mà người tiêu dùng có thể yên tâm chọn lựa nhằm phục vụ bữa ăn cho gia đình. Hơn thế, với các sản phẩm từ thịt heo Hương Thảo, người tiêu dùng có một cảm nhận mới là da, thịt không béo, ăn không ngán, dễ ngועi không dính, dễ ăn và kích thích sự ngon miệng; gan heo không có mùi tanh, dù để nguội vẫn có mùi thơm đặc trưng.

Đối với nuôi heo Hương Thảo, thảo dược được sử dụng trong suốt quá trình chăn nuôi làm tăng khả năng miễn dịch, tăng sức đề kháng vật nuôi, hạn chế dịch bệnh ở mức cao nhất, với hàm lượng cholesterol thấp, hàm lượng acid béo không no cao, thịt mềm, vị ngọt, mùi thơm đặc trưng và tiêu hóa tốt,... Heo Hương Thảo còn bảo đảm được cả 3 tiêu chuẩn “sạch” về mặt hóa học, lý học và sinh học như không chứa độc tố nấm mốc và thuốc bảo vệ thực vật, không có tồn dư kháng sinh, không có hóc môn tăng trưởng, không có kích thích tăng trọng, không chứa các loại vi khuẩn nguy hiểm, không nhớt, không chứa những tạp chất lạ,...

Về lợi ích người chăn nuôi, khi hợp tác với Công ty Minh Dũng nuôi heo Hương Thảo. Ngoài việc được hỗ trợ nhân viên kỹ thuật, cấp thuốc, bao tiêu sản phẩm, xây dựng quy trình chăn nuôi khoa học, được cố vấn xây dựng tiêu chuẩn GAP thực hiện cho trại chăn nuôi thì lợi nhuận cho người chăn nuôi ổn định khoảng 1 triệu đồng/con (thời điểm 2008). Bên cạnh đó, nhờ quy trình nuôi khép kín, phân thải của heo Hương Thảo không hôi thối và được khống chế tối đa vi khuẩn phát triển trong chuồng nuôi nên hạn chế rất tốt việc ô nhiễm môi trường việc quản lý giết mổ gia súc, gia cầm có thể coi như một "mắt xích" quan trọng trong quá trình kiểm soát "tận gốc" thực phẩm có nguồn gốc động vật, góp phần ngăn chặn dịch bệnh lây lan và bảo vệ sức khỏe con người.

*** Sử dụng công nghệ khí sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi**

Dự án “Chương trình Khí sinh học cho ngành chăn nuôi Việt Nam 2007 - 2011” do Cục Chăn nuôi, thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổ chức hợp tác phát triển Hà Lan (SNV) thực hiện. Mục tiêu tổng thể của Dự án là góp phần phát triển nông thôn thông qua việc sử dụng công nghệ khí sinh học, xử lý chất thải chăn nuôi, cung cấp năng lượng sạch và rẻ tiền cho bà con nông dân, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, tạo thêm công ăn việc làm ở nông

thôn và giảm thiểu sử dụng nguyên liệu hóa thạch, giảm hiện tượng phá rừng và giảm phát thải khí nhà kính.

Tỉnh Đồng Nai là một trong những tỉnh tham gia dự án từ những ngày đầu tiên. Đến nay dự án Chương trình Khí sinh học cho Ngành Chăn nuôi Việt Nam 2007 - 2011” đã hỗ trợ xây dựng 3.110 công trình khí sinh học trên địa bàn toàn tỉnh. Các công trình sau khi xây dựng xong đưa vào vận hành và sử dụng làm người dân rất phấn khởi.

Gia đình anh Nguyễn Văn Thắng - ấp Nam Hà - xã Xuân Bảo - huyện Cẩm Mỹ xây dựng công trình có thể tích 20,03m³, lượng gas phục vụ sinh hoạt cho 2 gia đình: đun nấu, thắp sáng, chạy máy nước nóng, nấu rượu,... vẫn không hết gas. Mỗi gia đình tiết kiệm hàng tháng hơn 2 triệu đồng. Vấn đề môi trường được cải thiện đáng kể, giảm mùi hôi, heo ít bệnh tật và lượng bã thải của công trình là nguồn phân bón hữu cơ rất tốt để bón cho cây trồng.

Dự án khí sinh học triển khai ở Đồng Nai đã mang lại hiệu quả cao và được các nông hộ hoàn toàn tin tưởng vào công nghệ áp dụng cũng như hiệu quả của các công trình mang lại (*xem phụ lục ảnh 12*).

Phương pháp xử lý chất thải chăn nuôi phổ biến hiện nay là sử dụng hầm biogas cải tiến để cung cấp khí gas cho việc đun nấu, thắp sáng và chạy máy phát điện. Nhưng phần nước thải sau biogas thải ra vẫn làm ô nhiễm môi trường xung quanh. Dự án này đã góp phần giảm chi phí sinh hoạt từ sử dụng nguồn khí đốt của công trình KSH. Nhiều gia đình đã sử dụng khí biogas để chạy máy phát điện phục vụ chăn nuôi và sinh hoạt gia đình.

Ngoài ra, công trình khí sinh học còn cung cấp cho sản xuất nông nghiệp nguồn phân bón có giá trị dinh dưỡng góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.v.v.. Môi trường cảnh quan vùng nông thôn nói chung và khu vực chăn nuôi nói riêng từng bước được cải thiện.

*** Sản xuất theo Global Gap**

Hiện nay, trên thế giới người ta đã phát hiện một số bệnh có nguồn gốc biến chứng từ những bệnh nhiễm độc do thực phẩm. Điều này làm tăng lên số lượng những ca được phát hiện mắc bệnh có nguyên nhân từ thực phẩm. Vì vậy, việc sản xuất thực phẩm theo hướng chất lượng, vệ sinh, an toàn đóng vai trò rất quan trọng và hiện đang được nhiều nước quan tâm chú ý.

Ở những quốc gia phát triển mạnh, họ sử dụng vệ sinh an toàn thực phẩm như hàng rào để ngăn cản sản phẩm từ các nước khác xâm nhập vào thị trường của họ nhằm bảo hộ cho sản xuất nông nghiệp trong nước. Việt Nam đã gia nhập AFTA và Tổ chức thương mại Quốc tế (WTO), bối cảnh này là thời cơ cho nông sản Việt Nam tham gia thị trường khu vực và thị trường thế giới.

Hiện nay, một số loại rau quả của Việt Nam đạt chất lượng ngon, có diện tích lớn, khả năng cạnh tranh và tiềm năng trên thị trường xuất khẩu như: xoài cát Hòa Lộc, thanh long, dưa Queen, bưởi da xanh, vải thiều, nhãn lồng, nhãn xuống,... Song đáng buồn là hầu hết những sản phẩm kể trên chưa bảo đảm an toàn thực phẩm, chưa thể truy nguyên nguồn gốc sản xuất nên bị giới hạn tiêu thụ bởi hàng rào vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực tế này đặt nước ta trước thử thách là phải sản xuất và cung cấp thực phẩm an toàn cho xã hội nhằm bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng và cũng để đủ sức cạnh tranh trên thương trường. Đáp ứng những yêu cầu trên mà cũng là để tồn tại bền vững trong sự cạnh tranh gay gắt, nông dân nước ta nói chung và Đồng Nai nói riêng buộc phải hướng tới thực hành nông nghiệp tốt (GAP).

Đề cập đến việc thực hiện nông nghiệp tốt, nông dân Võ Văn Sang sinh sống bằng nghề sản xuất cá giống ở khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa nói: Sản xuất theo GAP, yêu cầu quá cao so với cách làm ăn nhỏ lẻ manh mún của đa số nông dân hiện nay vì chúng tôi thiếu đất sản xuất, thiếu vốn đầu tư, thiếu nhân lực; Do tiêu thụ bấp bênh nên chúng tôi không dám mạnh dạn vay vốn kích cầu của Chính Phủ vì phải biết “liệu cơm gắp mắm”. Chính sự e dè như vậy mà nguồn nông sản của ta vốn dồi dào nhưng vẫn khiêm tốn xuất hiện ngay trên thị trường trong nước tại các siêu thị. Giám đốc Lê Hải Trung - Phụ trách thu mua thực phẩm tươi sống Siêu thị Big C cho biết: Big C sẵn sàng thu mua trực tiếp nông sản với nông dân sản xuất để hạ giá thành cung cấp cho thị trường tiêu thụ. Nhằm bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng và uy tín trên thương trường, Big C đòi hỏi sản phẩm cung cấp phải tươi sống, giao hàng ngay trong cùng ngày thu hoạch, sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng... đúng như những tiêu chí mà 2 bên đã thống nhất trên phiếu kỹ thuật. Chuyện thay đổi thói quen canh tác đã ăn sâu vào tiềm thức quả thật là điều không dễ dàng, anh Ngô Văn Thân- Chủ nhiệm hợp tác xã Nông nghiệp và Dịch vụ Tân Triều (xã Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu) trao đổi: Sản xuất theo GAP là điều hoàn toàn mới mẻ vì nông dân bón phân xịt thuốc theo nhu cầu thực tế và không quen ghi chép

(cũng có người không biết chữ), trong thu hoạch thì tận dụng thu gom cả trái cây bị rơi rụng; Nhưng thực hiện sản xuất theo GAP mới đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đạt tiêu chuẩn theo nhu cầu đòi hỏi của thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước nên bước đầu đầu tư khó khăn, hợp tác xã vẫn quyết định triển khai áp dụng sản xuất GAP trên 10/15 ha diện tích đất của hợp tác xã với sự đồng tình hưởng ứng của những nông dân tiến bộ; Trước mắt, hợp tác xã sẽ lấy mẫu đất để phân tích chất, tập huấn quy trình kỹ thuật thống nhất cho các xã viên tham gia. Chủ nhiệm Thân bày tỏ thái độ cương quyết: Sản phẩm bưởi Tân Triều đã có thương hiệu uy tín bấy lâu nên không thể “chết ngay trên sân nhà” trong khi kinh tế nước ta mở rộng hòa nhập với nền kinh tế thế giới. Với sự quan tâm hỗ trợ của các ngành chuyên môn và sự nhận thức tiến bộ của xã viên, nhất định hợp tác xã sẽ thành công việc thực hiện sản xuất theo GAP.

- Đưa công nghệ cao vào sản xuất

Trong quá trình xây dựng các khu vực kinh tế nông nghiệp trọng điểm và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Đồng Nai đã từng bước ứng dụng khoa học đưa công nghệ cao vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng giá trị các loại cây trồng, giúp nông dân tăng thu nhập cải thiện cuộc sống và bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp. Do ảnh hưởng tác động môi trường thế giới, nguồn nước ngày càng suy yếu khiến nhiều nơi trên trái đất thiếu nước sinh hoạt hàng ngày. Trước tình trạng này, mô hình tưới nước tiết kiệm đáp ứng được nhu cầu phục vụ nước cho sản xuất. Phương pháp này đã được ngành nông nghiệp Đồng Nai ứng dụng từ năm 1998 trên các loại cây ăn trái, cây công nghiệp và đã phát huy hiệu quả mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Đến vườn cà phê và vườn tiêu ở ấp Gia Lào, xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc của anh Lê Nam, chúng tôi không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ xanh mướt. Vườn cà phê chưa đầy 2 năm tuổi cao ngang thân người nhưng cành lá xum xuê trĩu nặng trái. Chủ vườn Lê Nam cho biết đã áp dụng phương pháp tưới nước tiết kiệm trên 0,5 ha, trồng 500 cây cà phê từ tháng 8 - 2007 với chi phí lắp đặt khoảng 9 triệu đồng, nguồn nước tưới khai thác từ giếng đào và sử dụng máy nổ để cung cấp nước, không chỉ dẫn nước tưới mà còn bón phân vô cơ qua hệ thống ống tưới. Theo tính toán của anh Nam, tổng chi phí đầu tư cho 500 cây cà phê trong